

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
(VINASUN CORP.)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2010**



Ngày 07/04/2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

NĂM 2010



I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY:

1. Tổng quan về công ty:

- Tên công ty: **Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam**
- Tên giao dịch đối ngoại: **VIETNAM SUN CORPORATION**
- Tên viết tắt: **VINASUN CORP.**
- Mã Chứng khoán: **VNS**
- Địa chỉ: **5 Phan Xích Long (lầu 6,7,8), Phường 2, Quận Phú Nhuận
TP. Hồ Chí Minh**
- Điện thoại: **(84.8) 38.277.178 – (84.8) 38.27.27.27**
- Fax: **(84.8) 39 959 436**
- Website: **<http://www.vinasuncorp.com>**
- Mã số thuế: **0302035520**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

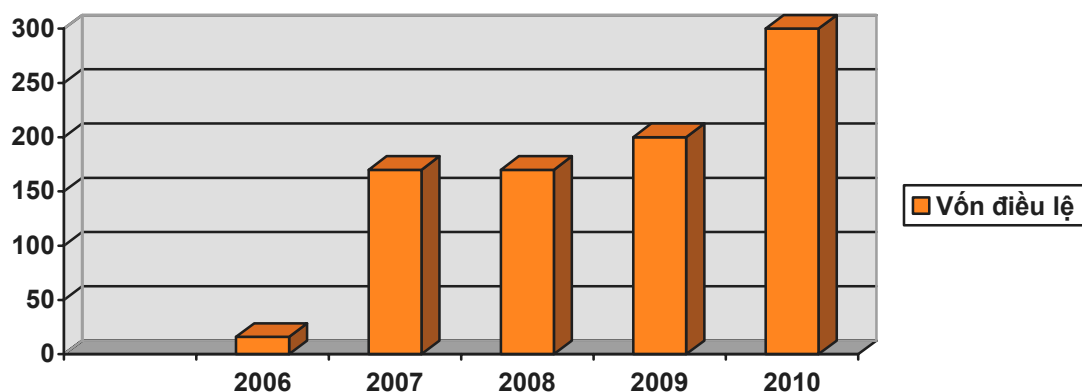
- Tiền thân của công ty là công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Lữ hành Tư Vấn Đầu Tư Ánh Dương Việt Nam, được thành lập vào ngày 15/6/1995, với vốn điều lệ là 300 triệu đồng. Giấy phép kinh doanh số: 052184 do Sở Kế hoạch và đầu tư cấp với hoạt động chính là kinh doanh ăn uống và du lịch nội địa.
- Ngày 27/01/2003, hoạt động kinh doanh Taxi được chính thức đưa vào hoạt động với thương hiệu TAXI VINASUN.
- Ngày 17/7/2003, công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam với vốn điều lệ là 8 tỷ đồng. Giấy phép đăng ký kinh doanh: 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.
- Ngày 25/5/2006, công ty tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng để đầu tư thêm xe mới cho hoạt động dịch vụ Taxi.
- Tháng 2/2007, công ty phát hành thêm 84 tỷ đồng mệnh giá để tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng nhằm tái cơ cấu lại nợ vay và đầu tư thêm xe trong năm 2007.
- Tháng 10/2007, công ty phát hành thêm 70 tỷ đồng mệnh giá cho các nhà đầu tư lớn, tăng vốn điều lệ của công ty từ 100 tỷ lên 170 tỷ đồng. Bên cạnh đó, công ty cũng đã thu về 1 khoản vốn thặng dư 328 tỷ đồng trong đợt phát hành này.
- Ngày 29/7/2008, công ty chính thức niêm yết 17 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM với mã Chứng khoán là **VNS**.

- Tháng 9/2009, công ty phát hành thêm 30 tỷ đồng mệnh giá cho các nhà đầu tư lớn, tăng vốn điều lệ của công ty từ 170 tỷ lên 200 tỷ đồng. Công ty cũng đã thu về 1 khoản vốn thặng dư 88 tỷ 252 triệu đồng trong đợt phát hành này.
- Tháng 7/2010, công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 299.999.970.000 đồng thông qua việc phát hành 9.999.997 cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn thặng dư của công ty.
- **Đến 31/12/2010: Vốn điều lệ của công ty là 299.999.970.000 đồng và vốn chủ sở hữu của công ty là 819,98 tỷ.**

3. Quá trình tăng vốn của công ty:

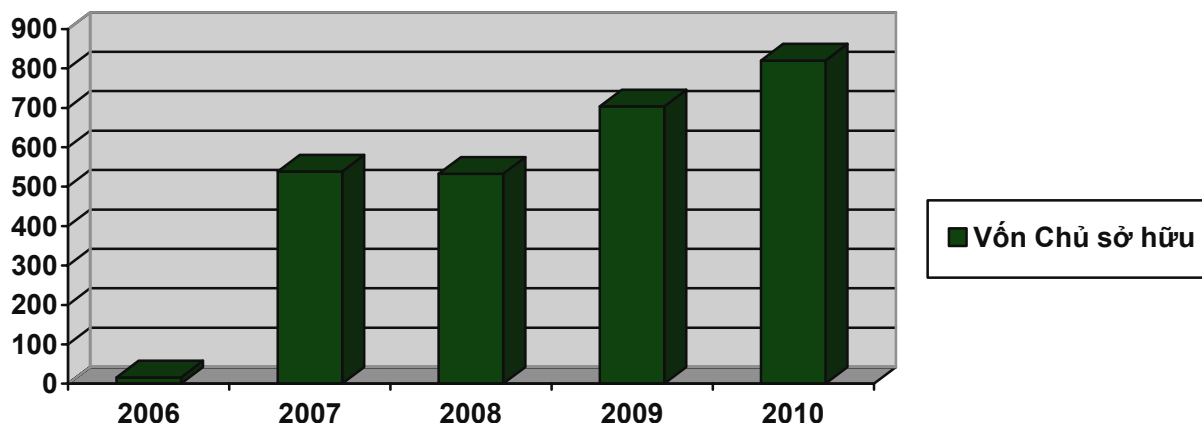
a) Vốn điều lệ:

Năm	2006	2007	2008	2009	2010
Vốn điều lệ (tỷ)	16	170	170	200	300
% Tăng trưởng	100%	962.5%	0.0%	17.6%	50%



b) Vốn chủ sở hữu:

Năm	2006	2007	2008	2009	2010
Vốn chủ sở hữu (tỷ)	16.04	538.2	532.6	703.4	819,9
% Tăng trưởng	140%	3255,4%	- 1.0%	32,1%	16,47%



4. Ngành nghề kinh doanh chính:

Phạm vi lĩnh vực hoạt động trong năm 2010 của công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải bằng xe Taxi: Thương hiệu VINASUN TAXI.
- Kinh doanh du lịch, dịch vụ vé máy bay: Thương hiệu VINASUN TRAVEL.
- Triển khai các dự án đầu tư.

5. Các sự kiện quan trọng xảy ra trong năm 2010:

- Tháng 4/2010, công ty dời về trụ sở mới tại 5 Phan Xích Long, P 2, Q PN, TP HCM.
- Hoàn thành việc đầu tư 1.150 chiếc xe (210 Vios và 940 Innova G) đưa vào khai thác, nâng tổng đầu xe của công ty cuối năm 2010 của công ty mẹ lên 3.945 chiếc.
- Thành lập chi nhánh công ty tại Vũng Tàu và đưa vào hoạt động vào tháng 8/2010.
- Thành lập công ty con Vinasun Green tại Đà Nẵng và đưa vào hoạt động vào tháng 12/2010 với Tổng số xe được phép đầu tư là 180 chiếc (Đến cuối tháng 12/2010 đã đầu tư 95 chiếc).
- Tháng 11/2010, công ty đã ký hợp đồng với Ngân hàng Công thương Việt Nam để trang bị hệ thống thanh toán online (POS) trên tất cả các xe của Vinasun, đã trang bị 300 xe trong năm 2010 và sẽ hoàn thành trong năm 2011.
- Tháng 2 năm 2010, công ty bán toàn bộ số cổ phiếu quỹ của công ty là 510.000 CP. Mang lại cho công ty 1 khoản thặng dư vốn là 13,93 tỷ.
- Vốn điều lệ của công ty đã tăng từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm 10 triệu CP thưởng cho cổ đông hiện hữu vào tháng 7/2010.
- Tháng 12/2010: ĐH cổ đông bất thường đồng ý phát hành thêm 7,5 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 375 tỷ đồng.
- **Năm 2010, công ty đã đạt được các danh hiệu sau:**

Số TT	Tên giải thưởng
1	Dịch vụ tốt nhất 2010
2	Thương hiệu nổi tiếng Quốc Gia 2010
3	Thương hiệu uy tín – Trusted Brand 2010
4	Thương hiệu chứng khoán uy tín 2010
5	Thương hiệu Việt yêu thích nhất 2010
6	Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu 2010 – Ông Đặng Phước Thành (Chủ tịch HĐQT)
7	Top 100 Thương hiệu Hàng đầu Việt Nam
8	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất VN (VNR 500)
9	Top 200 Doanh nghiệp tư nhân đóng thuế Thu nhập lớn nhất
10	Thương hiệu mạnh 2010

6. Mục tiêu và chiến lược phát triển:

- **Tập trung vào ngành nghề chính:** Dịch vụ vận tải Taxi, du lịch.
 - Trở thành hãng Taxi hàng đầu của Việt Nam trong tương lai.
 - Củng cố, phát triển và chiếm lĩnh thị phần tại các địa bàn kinh doanh.
 - 2011–2013: mở rộng kinh doanh tại các cụm kinh tế – du lịch trọng điểm ở Miền Trung như: Đà Nẵng – Huế – Hội An; Nha Trang – Cam Ranh; Long Thành – Vũng Tàu – Hồ Tràm và Cần Thơ.
 - Sau 2013: mở rộng sang các Thành phố trọng điểm của cả nước.
 - Thiết lập các tiện ích trên xe như LCD, hệ thống thanh toán Online, quản lý qua hệ thống GPS nhằm gia tăng khả năng phục vụ khách hàng.
- **Mở rộng và đa dạng hoá các loại hình kinh doanh:** khai thác các dịch vụ vận tải khác.
- **Xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp:** Văn minh – Lịch sự – Chuyên nghiệp.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Đánh giá chung hoạt động kinh doanh năm 2010:

Năm 2010, Cuộc khủng hoảng kinh tế vẫn tiếp diễn phức tạp, khó lường: Lạm phát, tỷ giá, lãi suất... biến động mạnh; Chính sách vĩ mô cũng còn những bất cập đã gây ảnh hưởng trực tiếp, tác động nhiều đến hoạt động của công ty. Năm 2010, tiếp tục là một năm đầy thách thức cho cộng đồng doanh nghiệp nói chung và đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải taxi nói riêng khi phải đương đầu với những tác động nêu trên.

Tuy nhiên, bằng những nỗ lực không ngừng, kết quả của năm 2010 chứng minh công ty đã trụ vững trước những áp lực đó. Kết quả kinh doanh năm 2010 đã thể hiện:

- Tổng doanh thu và thu nhập thực hiện trong năm 2010 là 1.940,26 tỷ đồng, đạt 109,3% so với kế hoạch, và đạt 169% so với năm 2009.
- Lợi nhuận sau thuế trong năm 2010 là 179,42 tỷ đồng, đạt 103,35% so với kế hoạch, và đạt 167% so với năm 2009.

Điều này đã khẳng định, Vinasun đã xác định đúng chiến lược kinh doanh của mình, tiếp tục duy trì vị trí tiên phong trong lĩnh vực dịch vụ Taxi, tạo cho Vinasun bước vào chu kỳ tăng trưởng ổn định vào những năm sắp tới.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu của công ty năm 2010: (tỷ đồng)

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện		So sánh thực hiện 2010 với	
		2009	2010	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010
Tổng Doanh thu và thu nhập	1.774,67	1.147,90	1.940,26	169%	109,3%
Lợi nhuận sau thuế	173,59	107,46	179,42	167%	103,35%
Số xe đầu tư	900	898	1.245	138,3%	138,64%

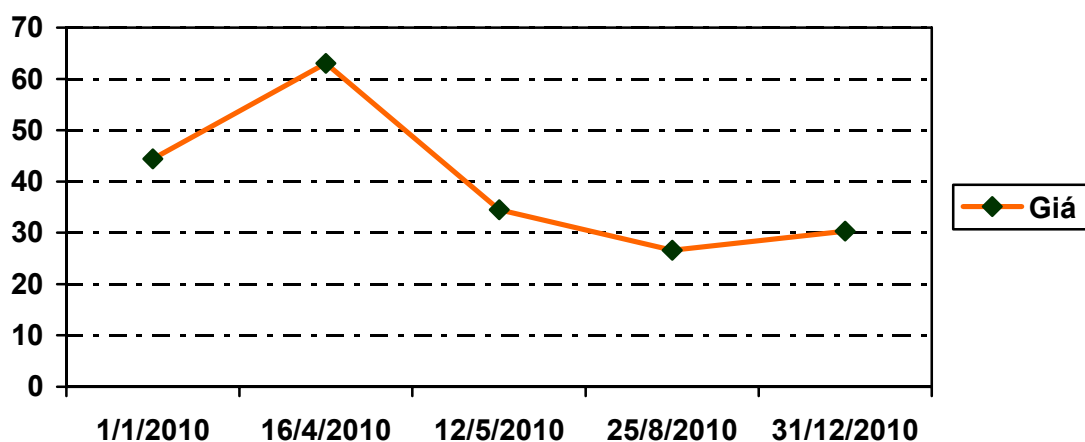
3. Công tác đầu tư:

- Năm 2010, theo kế hoạch phát triển của công ty trong việc mở rộng địa bàn hoạt động và dự báo tình hình thị trường thì số xe đầu tư trong năm là 900 chiếc. Tuy nhiên, nắm bắt được nhu cầu ngày càng gia tăng từ khách hàng, công ty Mẹ đã đầu tư 1150 chiếc.
- Trong năm 2010, công ty cũng đã thành lập công ty con là Vinasun Green tại Đà Nẵng với vốn điều lệ là 40 tỷ đồng (công ty nắm giữ 80%), hoạt động chính thức vào 12/12/2010, số xe đầu tư và đưa vào hoạt động đến 31/12/2010 là 95 chiếc.
- Tổng cộng xe đầu tư cho Tổng công ty (bao gồm công ty con) là 1.245 chiếc, tăng 38,64% so với kế hoạch đề ra (công ty Mẹ 1.150 chiếc và công ty con là 95 chiếc).
- Tháng 8 năm 2010, công ty cũng đã thành lập chi nhánh tại Vũng Tàu với số xe hoạt động đến 31/12/2010 là 120 chiếc.
- Tiếp tục xây dựng Trung tâm Thương mại Tân Đà, dự kiến hoàn thành vào Tháng 6/2011 và đưa vào hoạt động tháng 7/2011 (đã giải ngân 34 tỷ).
- Công ty cũng đang hoàn tất việc chuyển nhượng lô đất tại Thủ Khoa Huân, đã hạch toán 96,5% doanh thu và lợi nhuận trong năm 2010.

4. Quá trình niêm yết cổ phiếu VNS:

- Ngày 29/7/2008: 17 triệu cổ phiếu VNS đã được chính thức giao dịch trên sàn HOSE.
- Vào tháng 11/2008, HĐQT đã quyết định mua lại 510.000 CP VNS làm cổ phiếu Quỹ từ ngày 21/11/2008 đến 21/2/2009. Đến 31/12/2008, công ty đã mua lại được 408.770 cổ phiếu, số còn lại đã tiếp tục mua trong năm 2009. Như vậy số cổ phiếu lưu hành trên HOSE của VNS vào 31/12/2008 là: 16.591.230 cổ phiếu.
- Trong năm 2009, công ty đã tiếp tục mua 101.230 CP VNS. Nâng tổng số cổ phiếu quỹ mà công ty nắm giữ là 510.000 CP.
- Tháng 10/2009, công ty đã niêm yết bổ sung 3 triệu cổ phiếu của đợt phát hành riêng lẻ cho các đầu tư lớn vào tháng 9/2009.
- Đến 31/12/2009: Tổng số cổ phiếu của công ty là 20 triệu cổ phiếu, trong đó có 19.490.000 cổ phiếu lưu hành và 510.000 cổ phiếu quỹ.
- Tháng 2-2010, công ty bán toàn bộ số cổ phiếu quỹ của công ty là 510.000 CP. Mang lại cho công ty 1 khoản thặng dư vốn là 13,93 tỷ.
- Ngày 12/5/2010, Do công ty phát hành thêm 9.999.997 cổ phiếu, nên giá cổ phiếu đã điều chỉnh lại còn 34.500 đồng/ CP.
- Ngày 1/7/2010, toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm được giao dịch trên HOSE, nâng tổng số cổ phiếu giao dịch lên 29.999.997 cổ phiếu.
- Trong năm 2010, giá cổ phiếu VNS đã có nhiều biến động lớn với khối lượng giao dịch được cải thiện đáng kể, bình quân trên 150.000 cổ phiếu /phiên giao dịch với mức giá biến động như sau:
 - Ngày 31/12/2009: 44.400 đ/CP – vốn hóa thị trường: 865,35 tỷ.
 - Ngày 16/4/2010: 63.000 đ/CP – vốn hóa thị trường **cao nhất**: 1.260 tỷ
 - Ngày 12/5/2010: 34.500 đ/CP – vốn hóa thị trường: 1.035 tỷ (Điều chỉnh giá do tăng thêm 10 triệu cổ phiếu thường nâng tổng số cổ phiếu lưu hành là 30 triệu cổ phiếu).

- Ngày 25/8/2010: 26.600 đ/CP – vốn hóa thị trường **thấp nhất**: 798 tỷ.
- Ngày 31/12/2010: 30.300 đ/CP – vốn hóa thị trường: 909 tỷ.



5. Tình hình chia cổ tức:

- Chia cổ tức đợt II năm cho năm 2009 với tỷ lệ 12% vào 4/6/2010.
- Chia cổ tức đợt I năm 2010 với tỷ lệ 10% vào ngày 22/10/2010.

6. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2010:

Năm 2010, hoạt động của Hội đồng quản trị đã luôn tập trung thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo Điều lệ của công ty, đã tổ chức 31 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức, đã ban hành 31 Quyết định của Hội đồng quản trị để thực hiện các Nghị quyết Đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng; hoạch định chiến lược kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề phát triển thị trường, các định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh.

Qua các cuộc họp HĐQT quyết định các vấn đề chính sau:

- Nội dung Đại hội cổ đông 2010. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2010.
- Các quyết định quản lý điều hành công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010.
- Quyết định thực hiện phương án phát hành cổ phiếu thương tăng vốn Điều lệ từ 200 tỷ lên 300 tỷ.
- Quyết định việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010.
- Quyết định góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam Đà Nẵng, thành lập các chi nhánh.
- Quyết định thông qua việc tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thông qua phương án phát hành 7,5 triệu cổ phiếu bằng phương thức phát hành riêng lẻ để tăng vốn điều lệ công ty từ 299.999.970.000đ lên 374.999.970.000đ, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường về phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và Quyết định ngưng phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ.
- Thông qua kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính các quý I, II, III, IV và năm 2010.

- Quyết định thông qua kết quả kinh doanh 2010, kế hoạch kinh doanh 2011, dự kiến phân phối lợi nhuận 2010 và các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2011.

Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, quyết liệt và đưa ra các quyết định kịp thời, hợp lý, nhạy bén mang lại lợi ích cao cho công ty, cho các cổ đông. Công ty đã tiếp tục có những bước phát triển quan trọng, khẳng định và phát triển thương hiệu Vinasun. Hoạt động sản xuất kinh doanh công ty theo đúng Điều lệ, các quy định và pháp luật hiện hành.
- Hội đồng quản trị đã phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Vinasun. Các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực tham gia vào những hoạt động quan trọng về chính sách kinh doanh, về cơ chế hoạt động và một số vấn đề kinh doanh khác.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn sát đúng; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc.
- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận cao của các cổ đông.
- Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định về nội dung.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**1. Đánh giá chung về hoạt động của công ty trong năm 2010:**

- Trong năm 2010, hoạt động kinh doanh của công ty tiếp tục phát triển, tổng doanh thu kinh doanh (gồm Taxi và Du lịch) đạt 1.643,7 tỷ, **tăng 53,8% so với năm 2009 và tăng 11% so với kế hoạch doanh thu kinh doanh đã đề ra.**
- Trong năm 2010, ngoại trừ giá xăng tương đối ổn định ở mức 16.400 đ/lít thì hàng loạt các yếu tố cơ bản khác đã biến động theo chiều hướng không thuận lợi cho hoạt động của Vinasun: lãi suất ngân hàng tăng dần từ 13,5% đầu năm lên 17,5% cuối năm, thuế trước bạ và thuế VAT của xe ô tô tăng từ 5% lên 10%, thuế VAT của hoạt động vận tải cũng tăng từ 5% lên 10%, Phí bảo hiểm xã hội, y tế cũng tăng lên., Các chi phí khác như vật tư bảo dưỡng cũng gia tăng theo yếu tố lạm phát đã có tác động không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của công ty.
- Với việc chủ động đưa ra các giải pháp điều hành linh hoạt để vượt qua những thách thức nêu trên, cùng với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể Ban Lãnh đạo và nhân viên công ty trong năm qua đã là nhân tố quan trọng giúp Vinasun hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, đồng hành với thắng lợi đó là hoạt động kinh doanh của công ty đã tăng trưởng vững mạnh về số lượng, chất lượng, thị phần càng phát triển tại TP.HCM, Bình Dương và Đồng Nai cũng như các địa bàn mới triển khai hoạt động như Vũng Tàu, Đà Nẵng.

2. Báo cáo tình hình tài chính:

a) Các chỉ số tài chính năm 2010:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2,37	1,05
Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSLĐ} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	2,36	1,04
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	Lần	0,46	0,53
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	0,86	1,14
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	0,81	0,93
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	15,3	21,9
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	10	10,9
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	8,2	10,2
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	10,3	8,2
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	53,7	59,8
Giá trị sổ sách / 1 cổ phiếu lưu hành cuối năm		36.093	27.332

Báo cáo tài chính Hợp nhất của công ty năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và dịch vụ Tin Học (AISC).

b) Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và báo cáo kiểm soát nội bộ được gửi kèm báo cáo này gồm có:

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010
2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010
4. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010
5. Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học (AISC).
6. Báo cáo thẩm định tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Ban kiểm soát.

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong năm 2010: (Tỷ đồng)

Các chỉ tiêu		Kế hoạch 2010	Thực hiện		So sánh thực hiện 2010 với	
			2009	2010	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010
I	Tổng Doanh thu và thu nhập khác, trong đó:	1.774,67	1.147,9	1.940,26	169%	109,3%
1)	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	1.481,15	1.068,6	1.643,7	153,8%	111%
	(Trong đó: DT của Cty con)			(2,18)		
2)	Thu nhập khác (thanh lý xe và TN khác)	293,52	79,3	296,56	374%	101%
II	Tổng Lợi nhuận trước thuế	231,45	143,82	239,87	166,8%	103,6%
	LN trước thuế từ hoạt động kinh doanh	136,93	109,99	134,55	122,3%	98,26%
	LN trước thuế từ thu nhập khác	94,52	33,83	105,32	311,3%	111,42%
III	Tổng Lợi nhuận sau thuế	173,59	107,46	179,42	167%	103,35%
IV	Số xe đầu tư (Chiếc)	900	898	1.245	138,3%	138,64%
V	Số xe thanh lý (Chiếc)	50	223	50	22,4%	100%

- Số xe đầu tư trong năm:

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2009	Đầu tư trong năm 2010	Thanh lý trong năm	Số xe sở hữu đến 31/12/2010
Innova J, Vios	2.395	215	50	2.560
Innova G	450	1.030	0	1.480
Tổng cộng	2.845	1.245	50	4.040
Trong đó:				
+ Công ty Mẹ	2.845	1.150	50	3.945
+ Công ty con	0	95	0	95

- Trong cơ cấu doanh thu kinh doanh của công ty, hoạt động Taxi chiếm tỷ trọng chủ yếu: **98,9%**.

Cơ cấu Doanh thu	Giá trị (tỷ)	%
Hoạt động Taxi	1.625,8	98,9%
Du lịch	17,9	1,1%
Tổng Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	1.643,7	100%

- Hoạt động kinh doanh Taxi gặp rất nhiều thuận lợi với các chỉ tiêu chủ yếu đều tăng trưởng, thị phần của Vinasun đã gia tăng mạnh mẽ, nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của khách hàng trong và ngoài nước. Hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu đều gia tăng hơn năm trước.

Công ty Mẹ:

Các chỉ tiêu chủ yếu	2009	2010	Tăng/giảm	% Tăng/giảm
Số lượng cuộc gọi bình quân/ngày	18.000	21.309	3.309	18,4%
Bình quân lượt khách qua điểm tiếp thị	15.913	21.968	6.055	38%
Số xe kinh doanh bình quân	2.310	3.450	1.140	49,35%
Số xe cuối năm	2.845	3.945	1.100	38,6%
Doanh thu bình quân	1.320.000	1.423.000	103.000 đ	7,8%
Giá cước bình quân	10.674đ/ km	12.416 đ/km	1.952 đ/km	15,3%
Công suất vận doanh	60%	58%	-2%	-3,3%

- **Các thành tựu đạt được trong năm:**

- Tiếp tục khẳng định vị trí và ảnh hưởng của công ty trong lĩnh vực Taxi tại khu vực TP.HCM – Bình Dương – Đồng Nai.
- Số đầu xe của công ty đã dẫn đầu các hãng trong Thành phố với chất lượng xe đồng nhất, sang trọng gồm Innova G, J và Vios.
- Mở rộng hoạt động của công ty tại thị trường Đà Nẵng và Vũng Tàu.
- Thành lập 11 chi nhánh gồm 81 đội xe và phủ đều trên toàn bộ các khu vực trọng điểm của TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai và Vũng Tàu.
- Chiếm khoảng 35% về số lượng xe Taxi hoạt động tại TP HCM.
- Chiếm trên 45% thị phần tại TP.HCM, 60% tại Bình Dương và trên 60% tại Đồng Nai.
- Đã phục vụ được gần 76 triệu khách hàng trong năm 2010.

4. Những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2010:

a) Nguồn nhân lực:

- Việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực được Ban lãnh đạo công ty đặc biệt chú trọng. Trong năm 2010, công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho các cấp quản lý và các nhân viên các phòng ban và đặc biệt là cho người lao động trực tiếp.
- Công ty luôn luôn có 1 đội ngũ dự bị có tay nghề cao, nhiều kinh nghiệm và được công ty tái đào tạo về tay nghề và phong cách phục vụ, đây là điểm mạnh của công ty trong việc chủ động điều tiết kế hoạch phát triển kinh doanh của mình.
- Hiện nay, nguồn nhân lực của công ty đã ổn định. Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu trong những năm tiếp theo, công ty tiếp tục tái cơ cấu tổ chức, đầu tư cho công tác đào tạo, thu hút nhân tài, xây dựng môi trường và phong cách làm việc thực sự chuyên nghiệp, hiệu quả làm nền tảng cho hoạt động kinh doanh của công ty luôn tăng trưởng một cách bền vững.

b) Chính sách đầu tư xe:

- Với việc đầu tư mới 1.245 chiếc Vios và Innova G mới trong năm 2010 (bao gồm cả công ty con) đã làm gia tăng đáng kể số lượng xe phục vụ của Vinasun (cuối năm 2009 có 2.845 xe), với chất lượng xe đồng đều, đội ngũ lao động có tay nghề cao cùng với việc gia tăng số lượng như trên đã phần nào đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, đây chính là điều kiện quan trọng để Vinasun tiếp tục phát triển và chiếm lĩnh được thị phần.
- Hiện nay xe Vinasun đã phủ đều trên khắp các tuyến đường và sẵn sàng phục vụ khách hàng mọi lúc, mọi nơi tại các địa bàn kinh doanh của mình.

c) Phát triển hệ thống khách hàng tại các điểm tiếp thị:

- Do đánh giá tương đối chính xác nhu cầu của thị trường và đưa ra phương hướng hoạt động phù hợp nên năm qua công ty đã phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng vượt tất cả chỉ tiêu đưa ra đầu năm 2010.
- Tăng số lượng khách hàng cố định (sử dụng Taxi card và Membership card trả sau) từ 3.558 công ty (năm 2009) lên 4.152 công ty (tăng 16,7%), doanh thu từ khối khách hàng này đã tăng tương ứng và hiện chiếm khoảng 10% tổng doanh thu của công ty.
- Đã thay đổi toàn bộ 02 mẫu thẻ Membership Card. Đến cuối năm 2010, số lượng thẻ công ty đang quản lý là 21.000 thẻ (tăng 51,1% so với 2009)
- Số lượng các điểm tiếp thị có nhân viên điều hành là 590 điểm – phục vụ cho 8 triệu lượt khách (tăng 45,5% so với năm 2009). Bên cạnh đó công ty đã phát triển gần 800 điểm tiếp thị sử dụng cuộc gọi qua Tổng đài 38 27 27 27.

d) Thu hút khách hàng qua tổng đài 38 27 27 27:

- Với ưu thế về hệ thống tổng đài 38 27 27 27 được phủ sóng trên toàn bộ khu vực kinh doanh của công ty là TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai. Trong năm qua, với những chương trình khuyến mãi và quảng cáo trên LCD, Tổng đài 38 27 27 27 đã được khách hàng tín nhiệm. Cùng với việc đáp ứng đủ đầu xe đã làm cho khách hàng thường xuyên sử dụng tổng đài trên để yêu cầu phục vụ.
- Bình quân năm 2010, mỗi ngày Tổng đài 38 27 27 27 của Vinasun nhận được 21.309 cuộc gọi, tăng 18,4% so với bình quân năm 2009.

e) Nhân tố doanh thu và chi phí:

- Giá cước bình quân năm 2010 là 12.416 đ/km và đã không tăng giá cước từ tháng 3/2010.
- Giá xăng bình quân năm 2010: 16.400 đ/lít.
- Tháng 9/2009: Công ty đã điều chỉnh tỷ lệ chia doanh thu cho Tài xế tăng bình quân 2,5%.
- Thuế trước bạ và VAT của xe ô tô tăng từ 5% lên 10%.
- Lãi suất ngân hàng xu hướng tăng dần từ 13,5% đầu năm lên 17,5 đến 18% cuối năm.
- Thuế VAT của ngành Taxi cũng tăng từ 5% lên 10% trong năm 2010.
- Các chi phí chủ yếu:
 - Chi phí khấu hao: chiếm 12% trên tổng doanh thu. (Năm 2009 là 10,8%).
 - Chi phí lãi vay: chiếm 4,9% trên tổng doanh thu. (Năm 2009 là 3,4%).
 - Chi phí quản lý và điều hành chung: chiếm 17% trên tổng doanh thu. (Năm 2009: 19%).

f) Nhân tố khác:

- Nhu cầu sử dụng Taxi đã trở nên phổ biến và thường xuyên đối với đại đa số người tiêu dùng đã góp phần quan trọng trong việc phát triển doanh số kinh doanh của công ty.
- Mặt khác, thương hiệu Vinasun cùng với số lượng xe mới, đẹp, đồng chất và chiếm số lượng lớn bao phủ trên địa bàn hoạt động đã thu hút được khách hàng. Điều này góp phần vào việc hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của công ty trong năm 2010.

IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:**1. Cơ cấu tổ chức của công ty:**

Công ty được tổ chức hoạt động dưới hình thức mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cơ cấu gồm có:

- **Đại hội đồng Cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực và có quyết định cao nhất.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm và có thể được bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông tiếp theo. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội Cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.
- **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm do ĐHCĐ bầu ra.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc công ty gồm có 8 thành viên.

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành công ty:

Bà Đặng Thị Lan Phương Sinh năm 1969 Thành viên HĐQT Tổng Giám Đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	– Thành viên HĐQT – Tổng Giám Đốc Trung cấp TCKT Thành viên HĐQT Cty CP Tân Ánh Dương Á Châu
Ông Tạ Long Hỷ Sinh năm 1951 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	– Thành viên HĐQT – Phó TGD Thường trực kiêm GD Taxi Cao học Luật Không
Ông Huỳnh Văn Sỹ Sinh năm 1957 Phó Tổng Giám đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	– Phó TGD Tổ chức Hành Chánh Trung cấp kinh tế Không
Bà Ngô Thị Thúy Vân Sinh năm 1957 Phó Tổng Giám đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	– Phó Tổng Giám đốc Tài Chánh Trung cấp TCKT Tổng Giám đốc Cty CP Tân Ánh Dương Á Châu
Ông Trương Đình Quý Sinh năm 1959 Phó Tổng Giám đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	– Thành viên HĐQT – Phó Tổng GD Quản trị Chất lượng – Thạc sỹ khoa học giáo dục – Cử nhân Luật – Cử nhân KTCT Không
Ông Nguyễn Bảo Toàn Sinh năm 1976 Phó Tổng Giám đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	– Phó Tổng Giám đốc Marketing – Cử Nhân Kinh Tế – Cử Nhân Ngoại Ngữ Không
Ông Trần Anh Minh Sinh năm 1965 Phó Tổng Giám đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	– Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch Đầu tư Cử nhân Tài Chánh Không
Bà Đặng Phước Hoàng Mai Sinh năm 1974 Phó Tổng Giám đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	– Phó Tổng Giám đốc Dịch vụ Du lịch – Cử nhân Kinh Tế – Cử nhân Luật Không

3. Số lượng cán bộ, nhân viên của công ty:

- Tổng số cán bộ, nhân viên công ty đến 31/12/2010 là **12.052**, trong đó:
 - Công ty Mẹ: 11.776 người

CHỈ TIÊU	Số lượng	
	Người	Tỷ trọng
Phân theo trình độ học vấn		
1. Trên đại học	4	0,03%
2. Đại học	123	1,04%
3. Trung cấp, cao đẳng	193	1,64%
4. Trung học – Phổ thông	11.456	97,28%
Tổng cộng	11.776	100%
Phân theo phân công lao động		
1. Gián tiếp	532	4,52%
2. Trực tiếp điều hành và hỗ trợ kinh doanh	1.746	14,83%
3. Trực tiếp kinh doanh	9.498	80,65%
Tổng cộng	11.776	100%

- Tổng số cán bộ, nhân viên công ty Vinasun Green: **276 người**
- Thu nhập bình quân năm 2010:
 - Nhân viên Lái xe trực tiếp: 5,4 triệu/ tháng.
 - Nhân viên gián tiếp, trực tiếp điều hành và hỗ trợ kinh doanh: 3,5 triệu/ tháng.
- Toàn công ty có 4.428 người phải nộp thuế thu nhập cá nhân trong đó 4.324 người là nhân viên Lái xe trực tiếp.

4. Công ty con của công ty:

- Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (Vinasun Green) tại Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 40 tỷ (Vinasun Corp: 80%).
- Kinh doanh chính: Dịch vụ Taxi.

5. Chi nhánh của công ty: 11 chính nhánh, gồm:

- 8 chi nhánh tại TP HCM, chi nhánh Vũng Tàu, Bình Dương và Đồng Nai.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2011:

1. Đánh giá chung:

- Dự kiến trong năm 2011, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn gặp nhiều thách thức. Các yếu tố vĩ mô hỗ trợ cho sự phát triển ổn định của nền kinh tế vẫn còn tiềm ẩn nhiều bất ổn.
- Mặt khác, các nhân tố bất lợi ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của công ty đã hiện hữu trong các tháng đầu năm như lãi suất ngân hàng tiếp tục tăng, giá xăng dầu có chiều

hướng gia tăng, giá xe tăng theo biến động của tỷ giá... thực sự đã gây những tác động không nhỏ đến hiệu quả hoạt động của công ty.

- Xác định đây là năm mà Vinasun tiếp tục phải vượt qua nhiều thử thách. Giữ vững sự ổn định để vượt qua khó khăn cũng như chuẩn bị các cơ sở cần thiết để mở rộng thị phần và địa bàn kinh doanh cho các năm tiếp theo là phương hướng chủ đạo của công ty trong năm nay.

2. Các mục tiêu, phương hướng kinh doanh năm 2011:

a) Kinh doanh Taxi:

- Tiếp tục đứng đầu tại TP Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai.
- Phủ đều xe trên toàn bộ tuyến đường tại TP HCM, Bình Dương, Đồng Nai, đáp ứng nhanh nhất nhu cầu của khách hàng.
- Tiếp tục đứng đầu ngành Taxi về Doanh thu bình quân/ xe/ ca.
- Đảm bảo chất lượng đồng đều của các xe Taxi.
- Phấn đấu phục vụ trên 90 triệu khách hàng.
- Tăng số lượng các điểm tiếp thị và khách hàng cố định.
- Nâng cao chất lượng và các tiện ích trên xe.

b) Kinh doanh Du lịch:

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, phát triển và đa dạng hóa các Tour trong và ngoài nước. Nâng cao thương hiệu Vinasun Travel.
- Xây dựng một mô hình quản lý phù hợp, năng động nhằm phát triển hơn nữa tiềm lực của mảng kinh doanh này.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2011 của công ty:

- Năm 2010, xác định là năm còn rất nhiều thử thách đối với nền kinh tế, song trên cơ sở đã chuẩn bị để vượt qua những thách thức trên, công ty đã xây dựng kế hoạch năm 2011 trên các yếu tố trọng yếu sau:
 - Đầu tư mới tối thiểu 485 chiếc (400 chiếc của công ty Mẹ và 85 chiếc của công ty Vinasun Green) và thanh lý 290 chiếc (đảm bảo chất lượng xe phục vụ). Tùy theo tình hình, công ty sẽ tăng số lượng xe đầu tư khi các yếu tố vĩ mô đã ổn định và thuận lợi cho sự phát triển của công ty.
 - Doanh thu bình quân đạt 1.490.000 đ chiếc/ ca.

Số xe đầu tư trong năm:

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2010	Đầu tư Tối thiểu trong năm 2011	Thanh lý trong năm	Số xe sở hữu đến 31/12/2011
Innova J, Vios	2.560	185	290	2.455
Innova G	1.480	300	0	1.780
Tổng cộng	4.040	485	290	4.235
- Công ty Mẹ	3.945	400	290	4.055
- Công ty con	95	85	0	180

- Trên các yếu tố trọng yếu đó, chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 được xây dựng như sau:

Các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của công ty năm 2011: (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	% tăng/ giảm
- Doanh thu từ Hoạt động KD Vinasun Corp.	1.641,51	2.015,3	+ 22,8%
- Doanh thu từ Hoạt động KD Vinasun Green	2,18	61,3	+ 2712%
Tổng Doanh thu Kinh doanh	1.643,7	2.076,6	+26,33%
- Thu nhập khác (thanh lý & thu nhập khác)	296,56	101,9	-65,6%
Tổng Doanh thu & Thu nhập	1.940,26	2.178,5	+ 12,27%
Tổng Lợi nhuận trước thuế	239,87	215,02	-10,36%
+ Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động KD	134,55	151,85	+ 12,85%
Tổng lợi nhuận sau thuế	179,42	161,27	-10%
Tỷ lệ lợi nhuận /vốn điều lệ	59,8%	53,75%	-10%
+ Số xe đầu tư tối thiểu	1.245	485	-61%
+ Số xe thanh lý	50	290	+480%

- Vốn điều lệ đều tính cho năm 2010 và 2011 là 300 tỷ.
- Lợi nhuận cho trong việc khai thác TT TM Tân Đà được tính từ tháng 7/2011.

4. Các dự án đầu tư:

Công ty sẽ đưa vào khai thác dự án đầu tư của mình trong năm 2011, cụ thể như sau:

- **Trung tâm thương mại Tân Đà:**

- Địa điểm: Góc ngã tư đường Tân Đà – Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
- Diện tích đất: 1.373,5 m².
- Quy mô: Trung tâm Thương mại – Dịch vụ Tân Đà là dự án đầu tư và kinh doanh Siêu thị, dịch vụ Hội nghị và Tiệc cưới gồm: 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 5 lầu với tổng diện tích xây dựng là 7.005,34m².
- Công trình dự kiến hoàn thành và đưa vào kinh doanh trong quý III – 2011.

- **Dự án Chung cư Quận 8:** Tiếp tục theo dõi tình hình biến động của thị trường địa ốc, trên cơ sở đó đề xuất phương án: Chuyển nhượng hoặc đầu tư.
- **Dự án Khu Đô thị Tây Bắc – Củ Chi:** Tiếp tục xem xét, đánh giá tính khả thi của dự án, trình đại hội cổ đông phương án phù hợp.

5. Các biện pháp bảo đảm thực hiện kế hoạch năm 2011:
a) Công tác Quản trị:

- Cùng với các mục tiêu kinh doanh, tiếp tục thực hiện đổi mới quản trị công ty để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành.
- Giữ vững và mở rộng thị trường kinh doanh. Sử dụng linh hoạt vốn sản xuất kinh doanh, ưu tiên tập trung vốn cho các hoạt động trọng tâm.

- Củng cố và kiện toàn bộ máy hoạt động một cách năng động và linh hoạt. Nâng cao năng lực quản lý, quản trị các nguồn lực Vinasun thông qua việc xây dựng văn hóa Vinasun, cơ chế đào tạo, thu nhập.
- Phát triển toàn diện Vinasun trong sự liên kết và hợp tác chặt chẽ với các đối tác chiến lược, tiếp tục khẳng định và nâng cao thương hiệu, hình ảnh công ty trên thị trường trong nước và khu vực.
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của ban điều hành. Duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản trị rủi ro tài chính.

b) Công tác kinh doanh tiếp thị:

- Củng cố và phát triển các điểm kinh doanh mới, chú trọng đến các khu dân cư, cao ốc văn phòng, khách sạn, Nhà hàng. Tạo thành 1 hệ thống mạng lưới phục vụ bao trùm các tuyến đường trên các địa bàn kinh doanh.
- Phân bổ hợp lý nhân viên tại các điểm tiếp thị. Xây dựng 1 hình ảnh Vinasun lịch sự – văn minh – an toàn trước, trong và sau dịch vụ.
- Tăng cường và mở rộng các khách hàng truyền thống sử dụng dịch vụ Taxi của Vinasun.
- Nâng cấp hệ thống Tổng đài nhằm nâng cao năng lực phục vụ khách.
- Tiến hành lắp đặt và vận hành hệ thống thanh toán qua thẻ trên Taxi.
- Nghiên cứu các địa bàn mới nhằm chuẩn bị cho việc mở rộng địa bàn hoạt động.

c) Công tác tổ chức:

- Cải tiến hệ thống tổ chức quản lý, phân cấp ủy quyền và tự chịu trách nhiệm cho các Phòng – Ban chủ động thực hiện nhiệm vụ mang tính chuyên nghiệp cao.
- Tổ chức, sắp xếp lại lao động 1 cách hợp lý, khoa học nhằm phát huy hơn nữa năng lực của từng người lao động.
- Đảm bảo giữ vững và nâng cao thu nhập của người lao động.
- Phối hợp chặt chẽ giữa Lãnh đạo công ty với các tổ chức đoàn thể trong công ty phát động phong trào thi đua lao động sản xuất để động viên CBCNV hoàn thành tốt mục tiêu kế hoạch đã đề ra. Tham mưu tổng kết đánh giá kết quả thi đua khen thưởng tại công ty và đề nghị cấp trên khen thưởng kịp thời để tạo động lực thi đua tốt.

d) Công tác tài chính kế toán:

- Quan hệ tốt với các đối tác chiến lược, các ngân hàng, công ty tài chính để nhận tài trợ vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ các kế hoạch đầu tư.
- Khi tình hình thuận lợi, sẽ trình Đại hội Cổ đông phương án huy động vốn nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển xe kinh doanh của công ty.
- Xây dựng các biện pháp quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả cao.
- Chấp hành nghiêm chỉnh việc lập và thực hiện báo cáo tài chính theo đúng Quy chế tài chính của công ty và của Nhà nước.

VI. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG – THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:**1. Hội đồng quản trị:**

Số TT	Chức vụ	Tên thành viên
1	Chủ tịch HĐQT	Ông Đặng Phước Thành
2	Phó Chủ tịch HĐQT	Ông Huỳnh Văn Minh
3	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Bà Đặng Thị Lan Phương
4	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Ông Trương Đình Quý
5	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Ông Tạ Long Hỷ

Tóm tắt lý lịch của các thành viên trong Hội Đồng Quản trị công ty:

Ông Đặng Phước Thành Sinh năm 1957 Chủ tịch HĐQT	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT công ty Cử nhân Sinh Hóa – Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Quận 1, TP.HCM – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tân Ánh Dương Á Châu – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Dịch vụ Du lịch Mê Kông
Ông Huỳnh Văn Minh Sinh năm 1948 Phó Chủ tịch HĐQT	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Phó Chủ tịch HĐQT Cử nhân kinh tế – Chủ tịch Hội Doanh nghiệp TP HCM – Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Chế biến HXK Cầu Tre – Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Phát triển Hệ thống Phân phối VN (VDA)
Bà Đặng Thị Lan Phương Thành viên HĐQT		(Đã công bố ở phần Ban điều hành)
Ông Trương Đình Quý Thành viên HĐQT		(Đã công bố ở phần Ban điều hành)
Ông Tạ Long Hỷ Thành viên HĐQT		(Đã công bố ở phần Ban điều hành)

2. Ban kiểm soát:

Số TT	Chức vụ	Tên thành viên
1	Trưởng Ban Kiểm soát	Bà Mai Thị Kim Hoàng
2	Thành viên Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Anh Tùng
3	Thành viên Ban Kiểm soát	Ông Huỳnh Văn Tương

Tóm tắt lý lịch của các thành viên trong Ban Kiểm soát Công ty:

Bà Mai Thị Kim Hoàng Sinh năm 1963 Trưởng Ban Kiểm soát	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	– Trưởng phòng TC – HC – Cty CP Du lịch Mê Kông Cử nhân Kinh Tế – Cử nhân Luật – Thành viên Ban Kiểm soát – Cty CP Du lịch Mê Kông
Ông Nguyễn Anh Tùng Sinh năm 1972 Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Kế toán trưởng – Tổng Công ty CP Thương Mại Sài Gòn Thạc sỹ Kinh tế – Trưởng ban kiểm soát Cty CP KD Thủy Hải Sản – Thành viên BKS Công ty CP Savimex – Thành viên BKS Công ty CP Imexco – Thành viên HĐQT Quản trị Công ty CP Bao Bì Sài Gòn – Thành viên HĐQT CTCP CK Rồng Việt
Ông Huỳnh Văn Tương Sinh năm 1957 Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	– Trưởng BKS Taxi – Công ty CP Ánh Dương VN Cao đẳng Không

3. Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

- Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010, mức thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát là 1,5% lợi nhuận sau thuế, căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2010 đã được kiểm toán, thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát cho hoạt động năm 2010 là:

	Số người	Số tiền
Hội đồng Quản trị	5	2.154.720.000đ
Ban Kiểm soát	3	538.680.000đ
Tổng cộng	8	2.693.400.000đ

- Bình quân chi phí hoạt động và thù lao cho mỗi thành viên HĐQT là 35.912.000 đ/ tháng và cho mỗi thành viên Ban Kiểm soát là: 14.963.000 đ/ tháng.

4. Thống kê về cổ đông:

Căn cứ vào danh sách cổ đông đã được chốt lại vào ngày 6/4/2011:

Tổng số CP đang lưu hành	29.999.997
Cổ phiếu quỹ	0
Tổng cộng	29.999.997

(Do đã hoàn tất việc bán 510.000 CP quỹ vào ngày 12/2/2010).

a) **Số cổ phần sở hữu của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban điều hành:** Tính đến ngày 06/04/2011 là 6.277.515 CP, chiếm 20,9% vốn điều lệ.

b. **Cơ cấu cổ đông:** đến 06/04/2011

	Số cổ đông	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ%
Cổ đông nội bộ (HĐQT, BKS và Ban Điều hành)	12	6.277.515	20,9%
Cá nhân trong nước	776	7.920.425	26,4%
Tổ chức trong nước	22	9.913.692	33,1%
Cá nhân nước ngoài	35	125.275	0,4%
Tổ chức nước ngoài	21	5.763.090	19,2%
Cổ phiếu Quỹ (VNS)		0	0%
Tổng cộng	866	29.999.997	100%

c. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5%: đến 6/4/2011**

	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ%
Đặng Phước Thành	6.150.000	20,5%
Đặng Thành Duy	4.050.000	13,5%
Vietnam Investment Fund (VIF)	3.642.780	12,14%
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (SATRA)	2.550.000	8,5%
Red River Holding	1.511.520	5,04%
Tổng cộng	17.904.300	59,68%

TP HCM ngày 07 tháng 04 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THỊ LAN PHƯƠNG

Đính kèm: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2010 (AISC)



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 05.10.247/AISC-DN4

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM**

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 18 tháng 01 năm 2011 của CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM từ trang 05 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Huỳnh Tiểu Phụng

*Số chứng chỉ KTV: 1269/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đặng Ngọc Tú

*Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ : 5Đ, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City.

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048

Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aisc@dn.vnn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		192.888.258.361	136.190.333.628
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	62.994.066.009	59.256.954.589
1. Tiền	111		12.968.788.231	59.256.954.589
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.025.277.778	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.714.798.519	52.146.622.969
1. Phải thu của khách hàng	131		46.227.623.796	22.518.738.652
2. Trả trước cho người bán	132		34.869.624.002	22.011.490.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	15.511.199.813	8.573.943.277
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(893.649.092)	(957.548.960)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	2.016.585.685	903.258.711
1. Hàng tồn kho	141		2.016.585.685	903.258.711
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.162.808.148	23.883.497.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.213.081.741	7.174.644.394
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.759.788.193	7.782.735.396
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	10.189.938.214	8.926.117.569

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.568.861.105.347	1.173.425.126.944
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.864.210.609	5.233.915.113
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.05	2.864.210.609	5.233.915.113
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		1.545.634.028.999	962.312.391.541
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	1.464.313.955.914	828.458.084.560
- Nguyên giá	222		1.829.253.611.763	1.017.067.184.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(364.939.655.849)	(188.609.100.340)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	79.920.777.344	102.897.730.193
- Nguyên giá	225		137.572.777.747	150.742.532.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(57.652.000.403)	(47.844.802.367)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	111.695.112	-
- Nguyên giá	228		125.657.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.961.888)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	1.287.600.629	30.956.576.788
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	11.569.834.250	197.210.455.514
- Nguyên giá	241		11.569.834.250	197.210.455.514
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	1.660.000.000	2.400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.400.000.000	2.400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(740.000.000)	
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		7.133.031.489	6.268.364.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.12	3.911.054.489	1.911.652.776
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	273	V.13	3.221.977.000	4.356.712.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.761.749.363.708	1.309.615.460.572

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		933.798.036.459	606.150.021.120
I. Nợ ngắn hạn	310		183.999.178.226	57.365.687.226
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	7.500.000.000	
2. Phải trả cho người bán	312		108.404.392.237	8.144.019.569
3. Người mua trả tiền trước	313		378.441.152	216.648.436
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	29.557.044.095	13.976.088.513
5. Phải trả người lao động	315		11.486.898.247	16.864.329.331
6. Chi phí phải trả	316	V.16		1.258.564.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	7.615.112.219	8.312.491.104
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		19.057.290.276	8.593.546.273
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			
II. Nợ dài hạn	330		749.798.858.233	548.784.333.894
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	70.044.529.690	47.230.690.678
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	679.754.328.543	501.553.643.216
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		819.978.222.957	703.465.439.452
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	819.978.222.957	703.465.439.452
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		299.999.970.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		330.521.213.110	416.648.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			(9.324.680.890)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.961.204.242	21.605.009.531
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.780.602.122	10.802.504.766
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		133.715.233.483	63.734.606.045
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		7.973.104.292	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.761.749.363.708	1.309.615.460.572

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại		3.325,00	-

Tp.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng



Đặng Hoàng Sang

Tổng Giám đốc



 Đặng Thị Lan Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	1.643.695.717.734	1.068.602.615.036
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.22		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.23	1.643.695.717.734	1.068.602.615.036
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.24	1.380.613.759.522	881.627.136.069
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		263.081.958.212	186.975.478.967
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.25	5.264.122.991	2.192.600.020
7. Chi phí tài chính	22	VI.26	81.339.435.696	36.502.111.477
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>80.599.309.196</i>	<i>36.502.111.477</i>
8. Chi phí bán hàng	24		5.894.827.515	4.549.059.842
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		46.560.750.554	38.118.612.339
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		134.551.067.438	109.998.295.329
11. Thu nhập khác	31	VI.27	296.564.330.344	79.303.194.768
12. Chi phí khác	32	VI.28	191.239.929.094	45.480.784.048
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		105.324.401.250	33.822.410.720
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	50			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	60		239.875.468.688	143.820.706.049
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	VI.29	60.448.000.114	36.354.025.035
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70 = 60 - 61 - 62)	70		179.427.468.574	107.466.681.014
18.1 Lợi ích cổ đông thiểu số	70		(26.895.708)	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	71		179.454.364.282	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.30	6.996	6.175

Kế toán trưởng



Đặng Hoàng Sang

Tp.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2011



Tổng Giám đốc


 Đặng Thị Lan Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		239.875.468.688	143.820.706.049
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02		197.423.862.191	115.679.627.129
- Các khoản dự phòng	03		676.100.132	957.548.960
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(105.441.090.058)	(35.266.790.587)
- Chi phí lãi vay	06		80.599.309.196	36.502.111.477
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		413.133.650.149	261.693.203.028
3. vốn lưu động				
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(51.697.886.233)	(21.492.836.870)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(1.113.326.974)	(624.540.303)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		40.651.963.563	(12.041.366.868)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(11.037.839.060)	1.820.980.587
- Tiền lãi vay đã trả	13		(77.545.533.683)	(36.502.111.477)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(62.929.108.822)	(29.057.579.881)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		22.813.878.013	12.080.111.608
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(22.450.501.533)	(16.598.428.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		249.825.295.420	159.277.431.494
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(696.509.291.630)	(456.414.783.581)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		282.780.000.000	77.680.935.136
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		5.248.439.303	2.192.600.020
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(408.480.852.327)	(376.541.248.425)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2010	Năm 2009
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu.	31		23.197.864.000	118.252.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành.	32			(1.806.876.140)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		411.070.000.000	275.567.420.800
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(202.245.654.719)	(65.845.465.170)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(23.123.659.954)	(27.574.886.704)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(54.505.881.000)	(30.698.000.000)
7. Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào Công ty con	37		8.000.000.000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		162.392.668.327	267.894.192.786
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		3.737.111.420	50.630.375.855
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		59.256.954.589	8.626.578.734
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		62.994.066.009	59.256.954.589

Tp.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng



Đặng Hoàng Sang



Đặng Thị Lan Phương



VINASUN CORP.

Kề vai sát cánh

05 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM

Điện thoại: (08) 38 277 178 - Fax: (08) 39 959 436

Email: contact@vinasuncorp.com

vinasuncorp.com | vinasuntaxi.com | vinasungreentaxi.com | vinasuntravel.com